

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH LIÊM
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 3 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Trần Văn Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Quách Xuân Luyện và bà Lê Thị Hà.

- Thư ký phiên toà: ông Vũ Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: ông Từ Văn Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1980; nơi ĐKKHKT: thôn N K, xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam; nơi ở: thôn K, xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Bị đơn: anh Đinh Văn C - sinh năm 1979; nơi ĐKKHKT: thôn N K, xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: N h c s x h Việt Nam; địa chỉ: Số 169, phố L Đ, phường H L, quận H M, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết T - chức vụ: Tổng Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: bà Dương Thị Lan H - chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch N h c s x h huyện T L, tỉnh Hà Nam; người đại diện theo ủy quyền lại: bà Nguyễn Thị H - chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch N h c s x h huyện T L, tỉnh Hà Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị T trình bày:* chị và anh Đinh Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và đăng ký kết hôn tại UBND xã

Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 05/7/1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh C tại thôn N K, xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp, trái ngược nhau về cách sống, kinh tế gia đình khó khăn, anh C mãi chơi bởi cờ bạc, nên vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau, làm tình cảm vợ chồng rạn nứt, phai nhạt. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, kinh tế gia đình khó khăn, nên chị đã đi lao động ở nước ngoài nhiều năm, đến tháng 3/2022 chị về nước và về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn K, xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam; anh chị sống ly thân từ tháng 7/2016, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, chính quyền địa phương hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn C.

Về con chung: anh chị có 03 con chung là Đinh Thị Hà T - sinh ngày 10/7/1999, Đinh Thị Mỹ L - sinh ngày 11/8/2001 và Đinh Trường H - sinh ngày 14/02/2011. Hiện tại cháu T và cháu L đã trên 18 tuổi, các cháu có cuộc sống độc lập, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung đối với cháu T và cháu L; còn cháu H hiện đang được anh C nuôi dưỡng, nếu ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết tiếp tục giao cháu H cho anh C nuôi dưỡng và chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng. Về con riêng, con nuôi: không có; hiện tại chị không mang thai.

Về tài sản chung: anh chị không có tài sản chung gì, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ: đối với số tiền 70.000.000 đồng anh C đã vay tiền của N h c s x h; quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đã thanh toán trả xong toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi cho N h c s x h. Ngoài khoản nợ Ngân hàng trên thì anh chị không nợ nần ai, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh C chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định (gần 18 tuổi), nên anh C đã khai tăng tuổi để đủ điều kiện đăng ký kết hôn và khai tên là T; còn chị đã đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định nhưng chị đã tự khai tăng thêm 01 tuổi; nên tại Giấy chứng nhận kết hôn số 20/ĐKKH ngày 05/7/1997 do UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam cấp đã ghi Nguyễn Thị T - sinh năm 1979 và anh Đinh Văn T - sinh năm 1977.

** Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2022, ngày 06/12/2022 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn - anh Đinh Văn C trình bày:* anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 05/7/1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà anh tại thôn N K, xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam; quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, trái ngược nhau về cách sống, kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thường

xuyên cãi vã nhau, nên làm tình cảm vợ chồng rạn nứt, phai nhạt. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, nên từ tháng 4/2022 (sau khi chị T đi lao động ở nước ngoài về) thì chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn K, xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam và không về sống cùng bố con anh; từ đó đến nay anh chị sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, chính quyền địa phương hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị T kiên quyết xin ly hôn, nên việc hòa giải không thành. Nay anh xác định, mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T vẫn còn, nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: anh chị có 03 con chung là Đinh Thị Hà Tr - sinh ngày 10/7/1999, Đinh Thị Mỹ L - sinh ngày 11/8/2001 và Đinh Trường H - sinh ngày 14/02/2011. Hiện tại cháu T và cháu L đã trên 18 tuổi, các cháu có cuộc sống độc lập, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung đối với cháu T và cháu L; đối với cháu H còn nhỏ hiện đang được anh nuôi dưỡng, nếu ly hôn anh yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu H cho anh nuôi dưỡng và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 5.000.000 đồng kể từ khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Về con riêng, con nuôi: không có.

Về tài sản chung: anh chị không có tài sản chung gì, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ: đối với các khoản nợ anh đã khai tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2022 và ngày 06/12/2022, anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với khoản nợ 70.000.000 đồng (trong đó: trương trình hộ thoát nghèo 50.000.000 đồng, trương trình nước sạch vệ sinh môi trường 20.000.000 đồng) anh vay của N h c s; quá trình giải quyết vụ án anh C thanh toán trả xong cho phía Ngân hàng và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh mới được gần 18 tuổi, nên chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định; vì vậy, anh đã khai tên là T sinh năm 1977 để đủ tuổi và điều kiện đăng ký kết hôn; còn cô T đã đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định (trên 17 tuổi), nhưng cô T đã tự khai tăng thêm 01 tuổi; Do đó, tại Giấy chứng nhận kết hôn số 20/ĐKKH ngày 05/7/1997 do UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam cấp đã ghi: Đinh Văn T - sinh năm 1977 và Nguyễn Thị T - sinh năm 1979.

** Tại bản tự khai ngày 09/01/2023 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Căn cứ vào hồ sơ vay vốn và Chứng minh nhân dân số 1682288.. do công an tỉnh Hà Nam cấp ngày 01/03/2007 cho anh Đinh Ngọc T - sinh năm 1978; nơi ĐKKHKT: thôn N K, xã T N, huyện T L, Hà Nam. Ngày 09 tháng 10 năm 2021, Phòng giao dịch Ngân hàng C s x h huyện T L, tỉnh Hà Nam đã giải ngân cho anh Đinh Ngọc T vay tổng tiền 70.000.000 (trong đó: Chương trình hộ mới thoát nghèo 50.000.000 đồng, Chương trình nước sạch vệ sinh môi trường

20.000.000 đồng); hạn trả nợ cuối cùng được ghi trong hồ sơ vay vốn; việc thanh toán tiền gốc, tiền lãi theo quy định của pháp luật. Khoảng tháng 9 năm 2022, anh Đinh Ngọc T đến Phòng giao dịch Ngân hàng C s x h huyện T L, tỉnh Hà Nam khai báo về thay đổi lý lịch cá nhân của anh T và xuất trình Căn cước công dân số 0350790032.. do Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/09/2021, tại Căn cước công dân do anh T xuất trình có ghi họ và tên: Đinh Văn C - sinh năm 1979; nơi ĐKKHKT: thôn N K, xã T N, huyện T L, Hà Nam. Đến ngày 09/01/2023, anh Đinh Văn C đã trả xong cho Ngân hàng c s x h toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi của 02 khoản nợ trên, nên Ngân hàng C s x h không có yêu cầu, đề nghị gì.

** Tại Biên bản làm việc ngày 12/12/2022, đại diện chính quyền, đoàn thể xã Thanh Nghị có ý kiến:* chị T và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Nghị ngày 05/7/1997. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, nên thường xuyên đánh cãi chửi nhau, anh C chơi bời cờ bạc, kinh tế gia đình khó khăn. Mâu thuẫn giữa chị T, anh C đã trầm trọng và kéo dài; đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị về đoàn tụ, nếu không thành thì giải quyết vụ án theo pháp luật. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị T đã khai là Nguyễn Thị T - sinh năm 1979 và anh C đã khai là Đinh Văn T - sinh năm 1977, nên chính quyền địa phương đã ghi vào Chứng nhận kết hôn theo anh chị khai. Tuy nhiên, đến nay anh C (T) đã hoàn tất hồ sơ cá nhân và được Công an xã Thanh Nghị xác nhận thông tin về cư trú là Đinh Văn C - sinh năm 1979 theo Căn cước công dân được cấp và chị Nguyễn Thị T được cấp Căn cước công dân ghi tên Nguyễn Thị T - sinh năm 1980

** Tại Biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 25/11/2022, cháu Đinh Trường H (là con chung của chị T, anh C) trình bày:* hiện tại cháu đang được anh C nuôi dưỡng, có cuộc sống rất ổn định về mọi mặt và cháu có nguyện vọng xin được ở với anh C.

**** Tại phiên toà:***

- Chị T giữ nguyên quan điểm về việc xin ly hôn anh C. Về con chung: chị yêu cầu Tòa án giao cháu H cho anh C nuôi dưỡng, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh C đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân này và không nhất trí ly hôn. Về con chung: nếu ly hôn, anh nhất trí nuôi cháu H và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 5.000.000 đồng, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Các vấn đề khác liên quan đến vợ chồng anh không đề nghị giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp về việc Hướng thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và Gia đình; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn C. Về con chung: giao cháu Đinh Trường H - sinh ngày 14/02/2011 cho anh Đinh Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000 đồng, kể từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Đối với công nợ giữa chị T, anh C với Ngân hàng c s x h Việt Nam các bên đã thanh toán xong; Ngân hàng c s X h Việt Nam không có yêu cầu đề nghị gì, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là anh Đinh Văn C hiện đang cư trú tại thôn N K, xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

[2] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, đăng ký kết hôn ngày 05/7/1997 tại UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; tại thời điểm đăng ký kết hôn anh C chưa tới 20 tuổi, nên anh C đã khai sinh năm 1977 để đủ điều kiện đăng ký kết hôn với chị T, nên theo quy định tại Điều 5 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 1986 thì việc kết hôn của anh chị là chưa đủ điều kiện. Quá trình chung sống anh chị sống hòa thuận một thời gian dài (đã có con cái, tài sản) thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, anh C chơi bời cờ bạc, kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, nên làm tình cảm vợ chồng rạn nứt, phai nhạt. Anh chị đã có thời gian sống ly thân dài và không quan tâm đến nhau, không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng không thành. Nay, chị T xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C; anh C yêu cầu Tòa án công

nhận quan hệ hôn nhân trên và không nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: chị T, anh C kết hôn thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp về việc Hướng thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và Gia đình quy định. Do đó việc chị T xin ly hôn anh C là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: anh chị có 03 con chung là Đinh Thị Hà T - sinh ngày 10/7/1999, Đinh Thị Mỹ L - sinh ngày 11/8/2001 và Đinh Trường H - sinh ngày 14/02/2011. Hiện tại cháu T và cháu L đã trên 18 tuổi, các cháu có cuộc sống độc lập, nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu H chưa đủ 18 tuổi, hiện đang được anh C nuôi dưỡng, chị T, anh C thỏa thuận giao cháu H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con (cháu H) hàng tháng là 2.000.000 đồng, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, anh C yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 5.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện cháu H đang được anh C nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu ổn định về mọi mặt; nguyện vọng của cháu H xin được ở với anh C. Căn cứ sự thỏa thuận của anh chị và quyền lợi về mọi mặt của cháu H, nên công nhận sự thỏa thuận của anh chị giao cháu H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử xét thấy chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng là thấp, anh C yêu cầu mức cấp dưỡng 5.000.000 đồng là cao, nên chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi cháu H là 3.000.000 đồng/tháng là phù hợp với mức chi phí nuôi dưỡng cháu H. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2023 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về công nợ: đối với khoản nợ anh C vay của Ngân hàng c s x h huyện T L, trong quá trình giải quyết vụ án anh C đã thanh toán xong, nay ngân hàng không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn C.

2. Về nuôi con chung: giao cháu Đinh Trường H - sinh ngày 14/02/2011 cho anh Đinh Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) kể từ tháng 3 năm 2023, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, tổng cộng 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) được đối trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001232 ngày 23/11/2022; chị T còn tiếp tục phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: các đương sự có quyền làm kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Cảnh